

| | | | |
|---------------------------|-------------------|---------------|---------------|
| Ngày 28/06/2024 | 13,700 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -9.9% | -29.7% | -29.7% |

| | | |
|------------|---------------|--------------------|
| | Q2/24 | |
| ROE | -22.7% | +/- YoY ▼ 31.7% |

| | | | |
|-----------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | Q2/24 | | |
| DT thuần | 1.37 | QoQ ▲ 0.38 ▲ 38.2% | YoY ▼ 4.33 ▼ 76.0% |
| | | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| DT thuần | 2.36 | YoY ▼ 6.53 ▼ 73.5% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|---------------|--------------|-------------------------|-------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN gộp | -0.04 | QoQ ▼ 0.11 ▼ 164% | YoY ▼ 4.02 ▼ 101% |
| | | tỷ VNĐ | |

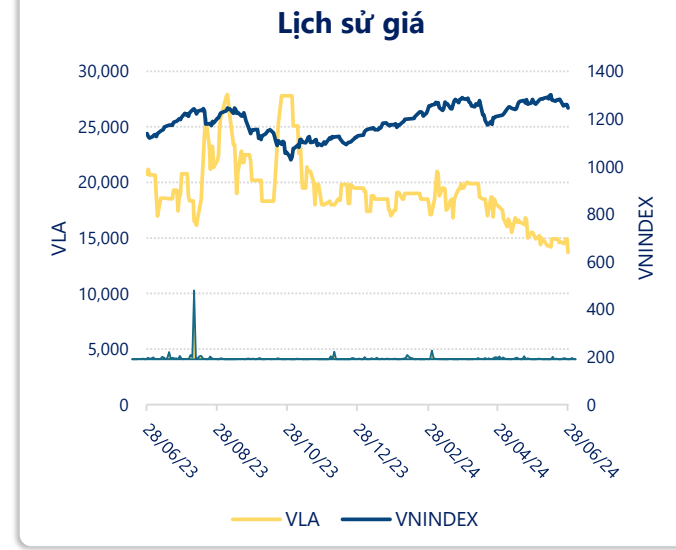
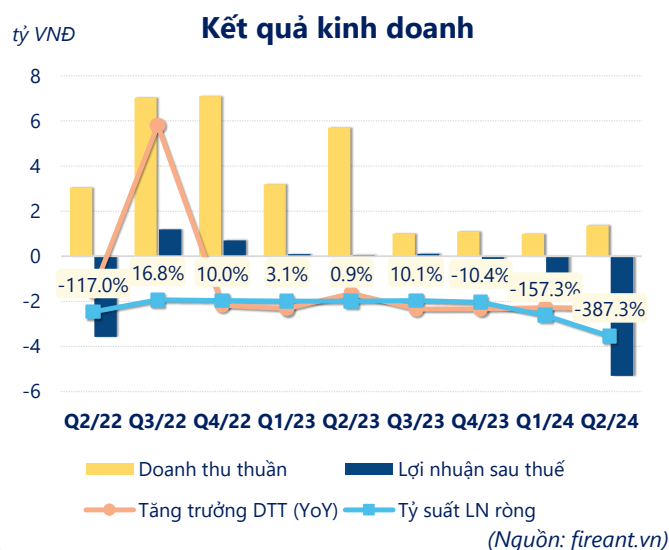
| | | |
|---------------|-------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN gộp | 0.03 | YoY ▼ 6.03 ▼ 99.5% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|-----------------|--------------|-------------------------|--------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN thuần | -5.29 | QoQ ▼ 3.74 ▼ 242% | YoY ▼ 5.35 ▼ 8924% |
| | | tỷ VNĐ | |

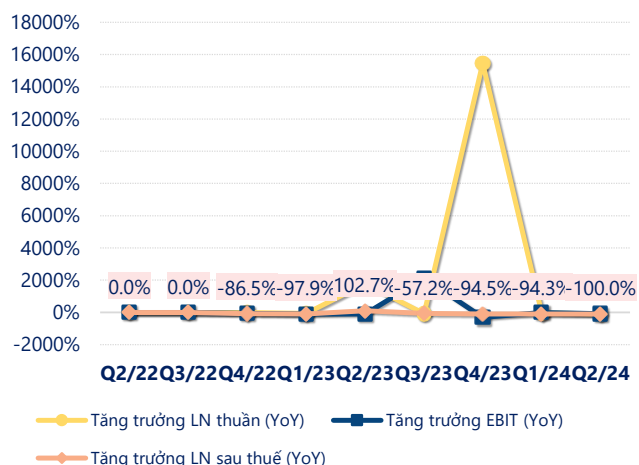
| | | |
|-----------------|--------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN thuần | -6.84 | YoY ▼ 7.03 ▼ 3724% |
| | | tỷ VNĐ |

| | | | |
|--------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|
| | Q2/24 | | |
| LN sau thuế | -5.30 | QoQ ▼ 3.74 ▼ 240% | YoY ▼ 5.35 10699% |
| | | tỷ VNĐ | |

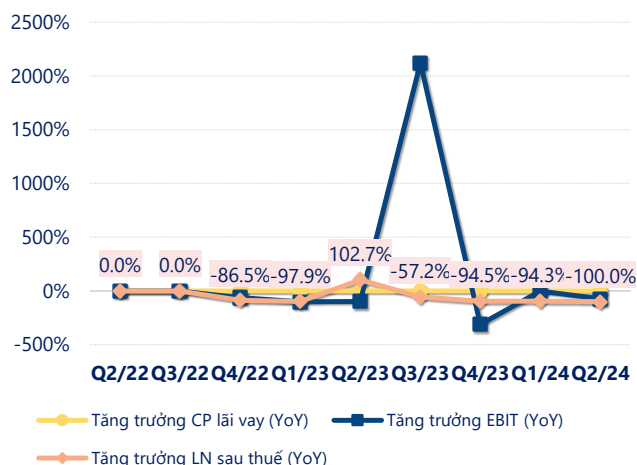
| | | |
|--------------------|--------------|--------------------------|
| | 6T 2024 | |
| LN sau thuế | -6.85 | YoY ▼ 7.00 ▼ 4637% |
| | | tỷ VNĐ |



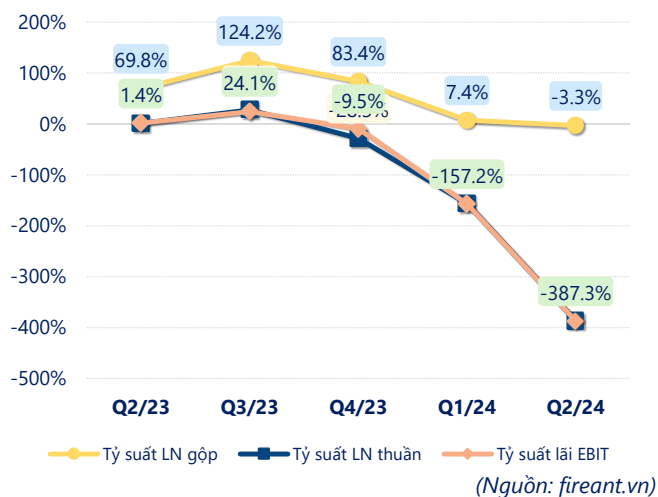
Tăng trưởng lợi nhuận



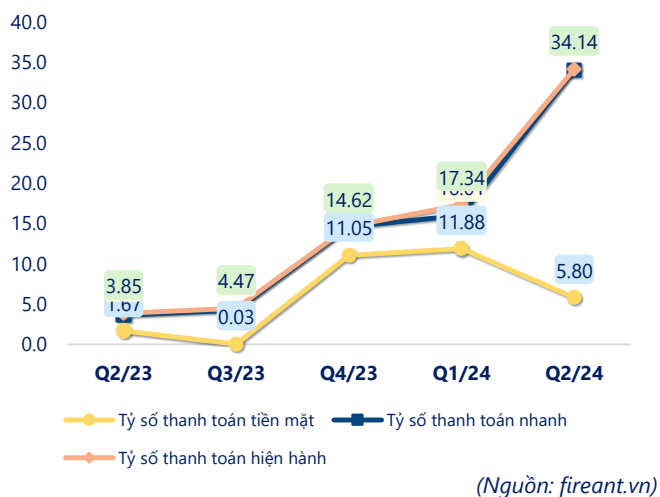
Tăng trưởng chi phí



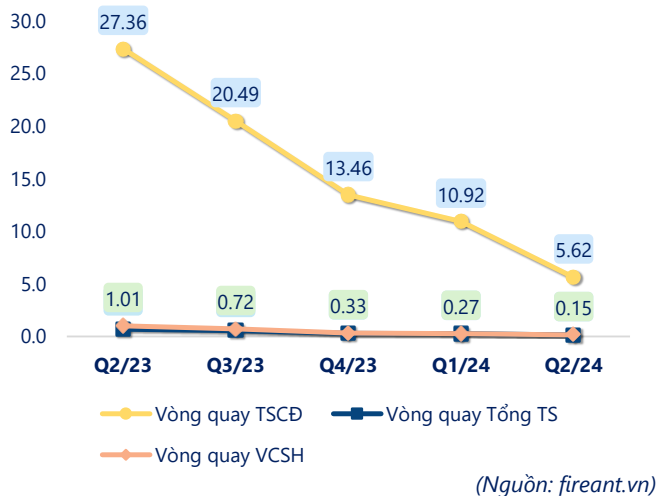
Tỷ suất lợi nhuận



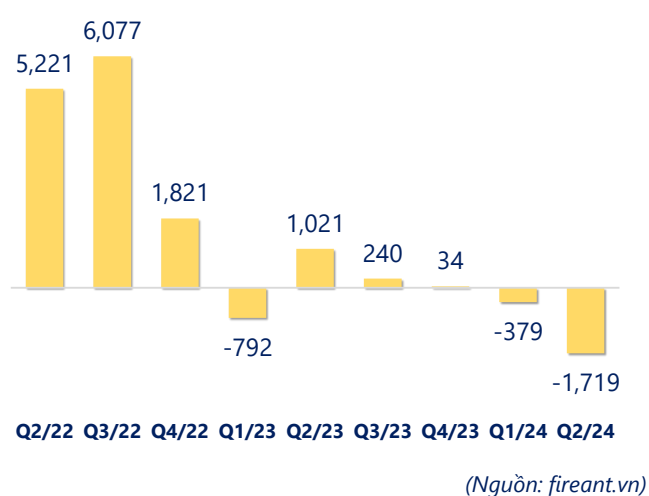
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q2/23 | Thay đổi YoY | 6T 2024 | 6T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|--------------|-------------|-----------------|--------------|-------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 1.37 | 5.70 | -76.0% | 2.36 | 8.89 | -73.5% |
| Giá vốn hàng bán | 1.41 | 1.72 | -17.8% | 2.33 | 2.83 | -17.9% |
| Lợi nhuận gộp | -0.04 | 3.98 | -101% | 0.03 | 6.06 | -99.5% |
| Doanh thu HĐTC | 0.06 | 0.00 | | 0.07 | 0.03 | 139% |
| Chi phí TC | 0.05 | 0.00 | | 0.05 | 0.00 | 3889% |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 4.42 | 3.64 | 21.6% | 5.38 | 4.66 | 15.4% |
| Chi phí QLDN | 0.84 | 0.28 | 199% | 1.51 | 1.23 | 22.4% |
| LN thuần từ HĐKD | -5.29 | 0.06 | -8924% | -6.84 | 0.19 | -3724% |
| Lợi nhuận khác | -0.01 | 0.01 | -151% | -0.01 | 0.01 | -170% |
| LN trước thuế | -5.30 | 0.08 | -6724% | -6.85 | 0.20 | -3472% |
| Lợi nhuận sau thuế | -5.30 | 0.05 | -10699% | -6.85 | 0.15 | -4637% |
| LNST của CĐ cty mẹ | -5.30 | 0.05 | -10699% | -6.85 | 0.15 | -4637% |

(Nguồn: fireant.vn)

